

25.11.21
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2021

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 37/2021/HĐTV/TOMAS-CODECO
GÓI THẦU: KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN: NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ NHƠN HÒA 1

GIỮA
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT
VÀ DỊCH VỤ TRẮC ĐẠC BẢN ĐỒ (TOMAS)

VÀ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT (CODECO)

PHẦN 1 CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xây dựng;

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 19/6/2009.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ: Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

- Thỏa thuận giữa các bên.

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2021, tại Văn phòng Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và dịch vụ trắc địa bản đồ, chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu (gọi tắt là Bên A):

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Dịch vụ Trắc địa Bản đồ
Người đại diện : Ông **Tạ Minh Sơn**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : P308, Nhà C5, Khu đô thị Mỹ Đình I, tổ 4, P.Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tài khoản số : 114000041783 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long
Mã số thuế : 0103596708

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B):

Tên giao dịch : Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất
Người đại diện : Ông **Trần Đình Kiên**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Bà Trung, Hà Nội
Tài khoản số : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long
Mã số thuế : 0101074336

Điều 1. Nội dung công việc phải thực hiện

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện 1 phần dịch vụ Khảo sát địa chất công trình phục vụ lập thiết kế kỹ thuật - Nhà máy điện gió Nhon Hòa 1 - tỉnh Gia Lai thuộc phần khối lượng của Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và Dịch vụ Trắc địa Bản đồ theo phụ lục hợp đồng đính kèm (phụ lục này là một phần không thể tách rời hợp đồng đồng này).

Công tác thi công được thực hiện dưới sự giám sát và thu thập tài liệu hiện trường của bên A.

Điều 2: Giá trị hợp đồng:

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 10% là: **2.861.217.737** đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm sáu mốt triệu, hai trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng./.)

Điều 3: Tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ chung của dự án

Điều 4: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của khảo sát:

4.1. Việc khảo sát phải đáp ứng được các điều khoản sau:

- a. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến công việc khảo sát;
- b. Tuân thủ đúng nhiệm vụ khảo sát đã được Chủ đầu tư phê duyệt;
- c. Đáp ứng mục đích xây dựng Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 2 - tỉnh Gia Lai
- d. Phù hợp với quy mô và tính chất của dự án

4.2. Việc quản lý chất lượng công trình được tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng; Bên B phải chịu sự giám sát của Bên A về chất lượng khảo sát.

4.3. Sản phẩm của khảo sát

Sản phẩm của quá trình khảo sát là báo cáo kết quả khảo sát địa chất với chi tiết về yêu cầu kỹ thuật, nội dung theo Nhiệm vụ khảo sát và Phương án khảo sát đã được Bên chủ đầu tư phê duyệt.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 5.1. Thanh toán cho bên B theo giá trị hợp đồng;
- 5.2. Giám sát về khối lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện công việc theo hợp đồng;
- 5.3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 6.1. Bằng chi phí của mình huy động nhân sự, phương tiện thực hiện đầy đủ các công việc được quy định tại phụ lục 01 hợp đồng này theo đúng tiến độ của Dự án.
- 6.2. Tạm dừng chấm dứt hợp đồng, được bồi thường khi Bên A vi phạm hợp đồng.
- 6.3. Được thanh toán đầy đủ giá trị khi hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng
- 6.4. Bên B phải có đầy đủ giấy tờ do cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận được phép hoạt động khảo sát địa chất và xuất trình giấy tờ trên khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

6.5. Bằng chi phí, nhân sự, thiết bị, phương tiện của mình thu xếp mặt bằng phục vụ việc khảo sát bao gồm: thương lượng bồi thường cho chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc người có liên quan đến giải phóng mặt bằng phục vụ cho việc khảo sát, chi phí xin phép cơ quan, tổ chức cá nhân để có thể thực hiện khảo sát, khôi phục hiện trường sau khi khảo sát, vv...

6.6. Lưu giữ mẫu theo đúng quy định của pháp luật và theo nhiệm vụ khảo sát địa chất đã được Chủ đầu tư phê duyệt; Cung cấp cho Bên A hoặc cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;

6.7. Bên B có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện hợp đồng;

6.8. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Điều khoản thanh toán:

7.1. Thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hai bên ký xác nhận nội dung và khối lượng thực hiện theo hợp đồng và khi bên A nhận đầy đủ các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;
- Hóa đơn GTGT ghi đủ 100% giá trị hợp đồng;
- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát;
- Biên bản thanh lý hợp đồng.

7.2. Hình thức thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và được chuyển khoản cho vào tài khoản của Bên B.

Điều 8: Bất khả kháng:

8.1. Chỉ các sự kiện sau đây được coi là sự kiện bất khả kháng: động đất, bão, lũ lụt, dịch bệnh chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh.

8.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;

Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 01 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

8.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 9: Phạt khi vi phạm:

9.1. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị chậm, Bên B phải chịu phạt với giá trị phạt bằng 0,1% giá trị hợp đồng bị chậm trễ cho mỗi ngày vi phạm nhưng tổng giá trị phạt không vượt quá 08% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm;

9.2. Trường hợp bên B vi phạm hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho bên A với mức bồi thường bằng giá trị thiệt hại thực tế của Bên A;

9.3. Bên B vi phạm về chất lượng phạt 08% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng;

9.4. Nếu việc tạm ứng, thanh toán chậm, Bên A phải chịu lãi suất bằng lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán chậm.

9.5. Tổng giá trị các khoản phạt không vượt quá 08% tổng giá trị hợp đồng.

Điều 10: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng đã ký kết phải được Bên B nghiêm chỉnh thực hiện toàn bộ các công việc theo quy định của Hợp đồng không được đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng;

10.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng khi Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này;

10.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng khi Bên A thanh toán cho Bên B chậm quá 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán.

Điều 11: Các điều khoản khác

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng này; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được coi là đã kết thúc khi các Bên hoàn thành toàn bộ các nghĩa

vụ của hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lưu Minh Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

BẢNG CHI TIẾT ĐƠN GIÁ

Kèm theo hợp đồng số 2501/2021/HDTV/NHI-TOMAS

HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

Đơn: đồng

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I - III	1m khoan	230,00	692.264	159.220.789
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI	1m khoan	150,00	1.001.395	150.209.280
3	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá VII-VIII	1m khoan	100,00	1.430.818	143.081.770
4	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$), độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I - III	1m khoan	230,00	263.172	60.529.560
5	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$), độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV - VI	1m khoan	150,00	369.921	55.488.128
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$), độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá VII - VIII	1m khoan	100,00	497.055	49.705.500
7	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	1 lần thí nghiệm	120,00	286.264	34.351.668
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	60,00	410.961	24.657.633
9	Độ nước thí nghiệm trong lỗ khoan bằng thủ công, lưu lượng nước tiêu thụ $Q \leq 1$ lít/phút, nguồn nước cấp cách vị trí thí nghiệm $\leq 100m$	lần đo	12,00	743.609	8.923.309
10	Lắp đặt kết cấu giếng phục vụ thí nghiệm thăm	m	180,00	165.165	29.729.700
11	Đặt ống chống sụt hố khoan	1m	240,00	389.851	93.564.276
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU	1 chỉ tiêu	48,00	7.058.056	338.786.698
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU	1 chỉ tiêu	48,00	3.541.184	169.976.851
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CD	1 chỉ tiêu	12,00	14.096.796	169.161.548
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục có kết thoát nước	1 chỉ tiêu	48,00	7.058.056	338.786.698
16	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cắt, nén bằng phương pháp 1 trục)	mẫu	180,00	2.604.993	468.898.794
17	Thí nghiệm xác định thành phần vật chất và cấu trúc của đá (lát mỏng thạch học)	mẫu	24,00	472.453	11.338.876
18	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý hóa của mẫu đá	1 chỉ tiêu	36,00	714.313	25.715.266
19	Thí nghiệm phân tích nước, độ PH	1 chỉ tiêu	24,00	125.075	3.001.799
20	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng CL	1 chỉ tiêu	24,00	177.078	4.249.877
21	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO ₄	1 chỉ tiêu	24,00	272.884	6.549.223
22	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu hoá học của mẫu đất	mẫu	24,00	2.835.216	68.045.188
23	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	120,00	660.908	79.308.918
24	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	1m khoan	30,00	958.574	28.757.216
25	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	120,00	257.717	30.925.986

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
26	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$), độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV - VJ	1m khoan	30,00	364.467	10.934.001
27	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	1 lần thí nghiệm	60,00	286.264	17.175.834
28	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	15,00	410.961	6.164.408
29	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cắt, nén bằng phương pháp 1 trục)	mẫu	60,00	2.604.993	156.299.598
30	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý hóa của mẫu đá	1 chỉ tiêu	15,00	306.501	4.597.515
31	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn PP I-A	1 chỉ tiêu	10,00	426.243	4.262.427
32	Thí nghiệm CBR (xác định chỉ số nén lún CALIFORNIA)	1 chỉ tiêu	10,00	1.542.547	15.425.469
33	Thí nghiệm đo mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng, đường kính bàn nén D=76cm	điểm	6,00	3.665.859	21.995.154
34	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng, cấp địa hình III-IV	quan sát	24,00	2.974.949	71.398.782
	Tổng cộng				2.861.217.737
Bảng chữ: Hai tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng					

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Lạ Minh Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2021 - 2022
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tăng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn Nghiên cứu khả thi-thiết kế dự án	01-2020/HĐKT	10/7/2020	1.890	172	Trần Bá Duy	Lê Đức Vinh Nguyễn Thanh Tuấn
2	Gói thầu số 5: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán kinh phí thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu huyện Bảo Thắng thuộc dự án tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	02/2021/HĐTV	30/8/2021	118	117	Lê Đức Vinh	Nguyễn Thanh Tuấn Nguyễn Mai Hà Trần Thị Thu Trang Đặng Lê Văn
3	Khảo sát địa chất công trình dự án: Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1 (giai đoạn thiết kế kỹ thuật)	37/2021/HĐTV/TO MAS-CODECO	16/01/2021	2.861	2.861	Nguyễn Hữu Tân	Lê Đức Vinh Nguyễn Thanh Tuấn Nguyễn Mai Hà Trần Thị Thu Trang Đặng Lê Văn

4	Khảo sát địa chất công trình dự án: Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 2 (giai đoạn thiết kế kỹ thuật)	38/2021/HĐTV/TO MAS-CODECO	16/01/2021	2.734	2.734	Nguyễn Hữu Tân	Lê Đức Vinh Nguyễn Thanh Tuấn Trần Thị Thu Trang
---	---	-------------------------------	------------	-------	-------	----------------	--

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. *Trần Đình Kiên*